

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

TỔ SINH- CÔNG NGHỆ

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2**

**NĂM HỌC 2024-2025**

**Môn: SINH HỌC – KHỐI 12**

**Thời gian làm bài: 45 phút**

**HÌNH THỨC KIỂM TRA: TRẮC NGHIỆM 100%**

**(Gồm TN nhiều lựa chọn, TN đúng sai, TN trả lời ngắn)**

Tên chủ đề/bài học	Nhận biết (40%)	Thông hiểu (30%)	Vận dụng (20%)	Tổng
	TNKQ	TNKQ	TNKQ	
<b>Bài 19. Các bằng chứng tiến hoá</b>	– Trình bày được các bằng chứng tiến hoá: bằng chứng hoá thạch, giải phẫu so sánh, tế bào học và sinh học phân tử.			
<b>Số câu</b>	<b>4</b>			<b>4</b>
<b>Số điểm</b>	<b>1,0</b>			<b>1,0</b>
<b>Bài 20. Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài</b>		- Trình bày được phương pháp mà Darwin đã sử dụng để xây dựng học thuyết về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài (quan sát, hình thành giả thuyết, kiểm chứng giả thuyết).		
<b>Số câu</b>		<b>3</b>		<b>3</b>
<b>Số điểm</b>		<b>0,75</b>		<b>0,75</b>

<p><b>Bài 21. Học thuyết tiến hoá tổng hợp hiện đại</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm tiến hoá nhỏ và quần thể là đơn vị tiến hoá nhỏ.</li> <li>- Phát biểu được khái niệm loài sinh học.</li> <li>- Trình bày được các nhân tố tiến hoá (đột biến, dòng gene, chọn lọc tự nhiên, phiêu bạt di truyền, giao phối không ngẫu nhiên).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được cơ chế hình thành đặc điểm thích nghi.</li> <li>- Trình bày được cơ chế hình thành loài mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được các nhân tố tiến hoá (đột biến, dòng gene, chọn lọc tự nhiên, phiêu bạt di truyền, giao phối không ngẫu nhiên).</li> <li>- Giải thích được các đặc điểm thích nghi chỉ hợp lí tương đối.</li> <li>- Lấy được ví dụ minh hoạ về đặc điểm thích nghi chỉ hợp lí tương đối.</li> </ul>	
<p><b>Số câu</b></p>	<p><b>3</b></p>	<p><b>1</b></p>	<p><b>4</b></p>	<p><b>8</b></p>
<p><b>Số điểm</b></p>	<p><b>0,75</b></p>	<p><b>0,25</b></p>	<p><b>1,0</b></p>	<p><b>2,0</b></p>
<p><b>Bài 22. Tiến hoá lớn và quá trình phát sinh chủng loại</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu được khái niệm tiến hoá lớn.</li> <li>- Dựa vào sơ đồ cây sự sống, trình bày được sinh giới có nguồn gốc chung</li> <li>- Dựa vào sơ đồ, trình bày được các đại địa chất và biến cố lớn thể hiện sự phát triển của sinh vật trong các đại đó. Nêu được một số minh chứng về tiến hoá lớn.</li> <li>- Trình bày được sơ đồ các giai đoạn chính trong quá trình phát sinh loài người</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được tiến hoá lớn và tiến hoá nhỏ.</li> <li>- Phân tích được sự phát sinh chủng loại là kết quả của tiến hoá</li> <li>- Vẽ được sơ đồ ba giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất (tiến hoá học, tiến hoá tiền sinh học, tiến hoá sinh học).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm được bài tập sưu tầm tài liệu về sự phát sinh và phát triển của sinh giới hoặc của loài người.</li> <li>- nêu được loài người hiện nay (H. sapiens) đã tiến hoá từ loài vượn người(Australopithecus) qua các giai đoạn trung gian.</li> </ul>	

Số câu	4	3	1	8
Số điểm	1,0	0,75	0,25	2,0
<b>Bài 23. Môi trường và các nhân tố sinh thái</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm môi trường sống của sinh vật.</li> <li>– Nêu được khái niệm nhân tố sinh thái.</li> <li>– Trình bày được các quy luật về tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật (giới hạn sinh thái; tác động tổng hợp của các nhân tố sinh thái; tác động không đồng đều của các nhân tố sinh thái).</li> <li>– Phát biểu được khái niệm nhịp sinh học;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân biệt được các nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh.</li> <li>– Lấy được ví dụ về tác động của các nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật và thích nghi của sinh vật với các nhân tố đó.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được những thay đổi của sinh vật có thể tác động làm thay đổi môi trường sống của chúng.</li> <li>– Giải thích được nhịp sinh học chính là sự thích nghi của sinh vật với những thay đổi có tính chu kì của môi trường.</li> <li>- Thiết kế được các bước tìm hiểu được nhịp sinh học của chính cơ thể mình.</li> </ul>	
Số câu	2	2	3	7
Số điểm	0,5	0,5	0,75	1,75
<b>Bài 24. Sinh thái học quần thể</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phát biểu được khái niệm quần thể sinh vật . Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>– Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật (số lượng cá thể, kích thước quần thể, tỉ lệ giới tính, nhóm tuổi, kiểu phân bố, mật độ cá thể). Lấy được ví dụ chứng minh sự ổn định của quần thể phụ thuộc sự ổn định của các</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân biệt được các kiểu tăng trưởng quần thể sinh vật (tăng trưởng theo tiềm năng sinh học và tăng trưởng trong môi trường có nguồn sống bị giới hạn).</li> <li>– Giải thích được cơ chế điều hoà mật độ của quần thể.</li> <li>– Phân biệt được ba kiểu đường cong sống sót của quần thể.</li> <li>– Nêu được các yếu tố ảnh hưởng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được các mối quan hệ hỗ trợ và cạnh tranh trong quần thể. Lấy được ví dụ minh họa.</li> <li>– Giải thích được quần thể là một cấp độ tổ chức sống.</li> <li>- Phân tích được hậu quả của tăng trưởng dân</li> </ul>	

	<p>đặc trưng đó.</p> <p>– Nêu được các đặc điểm tăng trưởng của quần thể người;</p>	<p>tới tăng trưởng quần thể.</p> <p>– Trình bày được các kiểu biến động số lượng cá thể của quần thể.</p>	<p>số quá nhanh.</p> <p>– Phân tích được các ứng dụng hiểu biết về quần thể trong thực tiễn (trồng trọt, chăn nuôi, bảo tồn,...).</p> <p>- Thực hành tính được kích thước của quần thể thực vật và các động vật ít di chuyển; tính được kích thước của quần thể động vật theo phương pháp “bắt, đánh dấu, thả, bắt lại”.</p>	
<b>Số câu</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>10</b>
<b>Số điểm</b>	<b>0,75</b>	<b>0,75</b>	<b>1,0</b>	<b>2,5</b>
<b>Tổng số câu</b>	<b>16</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>40</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>10</b>